



CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN - HÀ NỘI

Địa chỉ: A2- CN8 Cụm CN Từ Liêm - P. Phương Canh - Q. Nam Từ Liêm. TP Hà Nội

Tel: (+84).24. 3765 3338. Fax: (+84).24.3 765 3336.

Mã số thuế: 0102314051

Email: info@sabecohanoi.com.vn.

Website: www.sabecohanoi.com.vn.

Hà Nội, ngày 20 tháng 07 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN  
TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ  
NƯỚC/ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

**Kính gửi :** - Ủy ban chứng khoán Nhà Nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

- Tên tổ chức: **CÔNG TY CỔ PHẦN BIA SÀI GÒN – HÀ NỘI**
  - Mã chứng khoán: BSH
  - Địa chỉ trụ sở chính: A2-CN8, Cụm công nghiệp Từ Liêm, Phường Phương Canh, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội.
  - Điện thoại: 024.37653338 Fax: 024.37653336
  - Người thực hiện công bố thông tin: Ông Vương Thừa Đại
  - Chức vụ: Thư ký Công ty.
  - Loại thông tin công bố:  định kỳ  bất thường  24h  theo yêu cầu
- Nội dung công bố thông tin:
- Công ty cổ phần Bia Sài Gòn – Hà Nội Công bố Báo cáo tài chính quý 2 năm 2021.

Tôi cam kết thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu VP.

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
CÔNG BỐ THÔNG TIN**



**Vương Thừa Đại**

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

Báo cáo tài chính riêng  
Quý 2 năm 2021



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thông tin về Công ty**

<b>Giấy chứng nhận</b>	0102314051	ngày 6 tháng 7 năm 2007
<b>Đăng ký Doanh nghiệp số</b>	0102314051	ngày 23 tháng 4 năm 2021

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0102314051 ngày 23 tháng 4 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đầu tiên và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp.

**Hội đồng Quản trị**

Ông Lâm Du An	Chủ tịch
Ông Trương Hùng Dũng	Thành viên
Ông Đinh Văn Thuận	Thành viên
Ông Văn Thảo Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Hữu Lộc	Thành viên – đến ngày 30/03/2021
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên – từ ngày 31/03/2021

**Ban Kiểm soát**

Ông Đặng Thái Bình	Trưởng Ban - đến ngày 30/03/2021
Bà Lê Thị Hiền	Trưởng Ban – từ ngày 31/03/2021
Bà Nguyễn Thị Nga	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên – đến ngày 30/03/2021
Ông Nguyễn Hoàng Hiệp	Thành viên – từ ngày 31/03/2021

**Ban Giám đốc**

Ông Lê Viết Quý	Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Biên	Phó Giám đốc
Ông Lê Thanh Tùng	Phó Giám đốc
Bà Bùi Thị Thanh Ngọc	Kế toán trưởng

**Trụ sở đăng ký**

Lô A2 CN8, Cụm Công nghiệp Từ Liêm  
Phường Phương Canh  
Quận Nam Từ Liêm  
Thành phố Hà Nội  
Việt Nam

23  
N  
S  
H  
TU

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 01a – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	<b>Mã số</b>	<b>Thuyết minh</b>	<b>30/6/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>TÀI SẢN</b>				
<b>Tài sản ngắn hạn</b> (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	<b>100</b>		<b>305.182.278.758</b>	<b>300.994.570.436</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>197.403.289.881</b>	<b>216.909.989.474</b>
Tiền	111		9.203.289.881	3.109.989.474
Các khoản tương đương tiền	112		188.200.000.000	213.800.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>50.700.000.000</b>	
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.700.000.000	
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>9.369.705.596</b>	<b>23.773.677.273</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		8.781.099.178	20.632.774.536
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		552.839.328	2.905.245.000
Phải thu ngắn hạn khác	136		35.767.090	235.657.737
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>47.011.007.684</b>	<b>59.125.657.600</b>
Hàng tồn kho	141		57.919.732.571	70.728.341.744
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(10.908.724.887)	(11.602.684.144)
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>698.275.597</b>	<b>1.185.246.089</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		698.275.597	862.488.342
Thuế phải thu Nhà nước	153			322.757.747
<b>Tài sản dài hạn</b> (200 = 210 + 220 + 240 + 260)	<b>200</b>		<b>112.671.454.995</b>	<b>126.312.169.953</b>
<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>10.000.000</b>	<b>10.000.000</b>
Phải thu dài hạn khác	216		10.000.000	10.000.000
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>98.316.879.994</b>	<b>114.848.970.054</b>
Tài sản cố định hữu hình	221		97.651.739.167	114.006.838.959
Nguyên giá	222		696.068.501.043	696.016.501.043
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(598.416.761.876)	(582.009.662.084)
Tài sản cố định vô hình	227		665.140.827	842.131.095
Nguyên giá	228		1.411.941.589	1.411.941.589
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(746.800.762)	(569.810.494)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>5.319.541.000</b>	-
Xây dựng cơ bản dở dang	242		5.319.541.000	-
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>9.025.034.001</b>	<b>11.453.199.899</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261		6.802.685.773	9.092.059.820
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		2.222.348.228	2.361.140.079
<b>TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>417.853.733.753</b>	<b>427.306.740.389</b>

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021 (tiếp theo)**

Mẫu B 01a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2021 VND	1/1/2021 VND
<b>NGUỒN VỐN</b>				
<b>NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)</b>	<b>300</b>		<b>156.277.626.435</b>	<b>155.999.427.635</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>156.074.610.185</b>	<b>155.796.411.385</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311		12.743.971.885	9.072.844.764
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.497.451.975	1.010.317.797
Thuế phải nộp Nhà nước	313		72.944.401.579	71.490.422.269
Phải trả người lao động	314		4.154.162.758	4.583.539.586
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		3.115.812.969	1.421.187.772
Phải trả ngắn hạn khác	319		9.497.450.047	7.211.872.555
Vay ngắn hạn	320		50.195.043.031	55.805.010.701
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.926.315.941	5.201.215.941
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>203.016.250</b>	<b>203.016.250</b>
Dự phòng phải trả dài hạn	342		203.016.250	203.016.250
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)</b>	<b>400</b>		<b>261.576.107.318</b>	<b>271.307.312.754</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>261.576.107.318</b>	<b>271.307.312.754</b>
Vốn cổ phần	411		180.000.000.000	180.000.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết</i>	411a		180.000.000.000	180.000.000.000
Vốn khác của chủ sở hữu	414		6.157.486.522	6.157.486.522
Quỹ đầu tư phát triển	418		33.968.770.588	33.968.770.588
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		41.449.850.208	51.181.055.644
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước</i>	421a		25.055.934.950	33.317.916.690
- <i>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay</i>	421b		16.393.915.258	17.863.138.954
<b>TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>417.853.733.753</b>	<b>427.306.740.389</b>

Ngày 14 tháng 07 năm 2021

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc



Lê Viết Quý

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2021**

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		159.356.539.790	134.135.518.273	273.005.791.109	206.945.558.626
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		159.356.539.790	134.135.518.273	273.005.791.109	206.945.558.626
4. Giá vốn hàng bán	11					
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		135.905.289.089	125.728.358.018	242.049.023.497	199.489.830.350
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.007.164.766	1.053.001.788	2.340.067.761	1.932.371.846
7. Chi phí tài chính	22		309.072.473	93.311.695	680.704.671	260.637.081
8. Chi phí bán hàng	25		966.468.305	1.377.771.676	1.739.658.588	2.521.053.014
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.291.319.323	3.045.920.158	8.534.936.794	7.551.931.883
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		18.891.555.366	4.943.158.514	22.341.535.320	(945.521.856)
11. Thu nhập khác	31		492.474.200	552.800.144	2.392.348.213	560.443.809
12. Chi phí khác	32		1.346.536.364		1.593.451.474	5.117.727
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(854.062.164)	552.800.144	798.896.739	555.326.082
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		18.037.493.202	5.495.958.658	23.140.432.059	(390.195.774)
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		3.076.866.868	(10.447.473)	4.682.224.950	395.820.744
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		77.373.418	37.164.456	138.791.851	49.646.595
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		14.883.252.916	5.469.241.675	18.319.415.258	(835.663.113)

Ngày 14 tháng 07 năm 2021

Kế toán trưởng

Người lập

*(Signature)*

*(Signature)*  
 Lê Thị Ngọc Hà



GIÁM ĐỐC

*(Signature)*  
 Lê Việt Quy

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng vào ngày 30 tháng 6 năm 2021 (Phương pháp**  
**gián tiếp)**

Mẫu B 03a – DN  
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>01</b>	<b>23.140.432.059</b>	<b>(390.195.774)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>			
Khấu hao và phân bổ	02	16.584.090.060	35.039.733.669
Các khoản dự phòng	03	(693.959.257)	(248.232.975)
Thu nhập lãi tiền gửi	05	(2.332.204.115)	(1.913.947.185)
Chi phí lãi vay	06	679.314.815	236.915.749
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>37.377.673.562</b>	<b>32.724.273.484</b>
Biến động các khoản phải thu	09	12.094.002.151	(5.381.357.165)
Biến động hàng tồn kho	10	12.808.609.173	3.240.498.321
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	4.054.775.825	50.096.978.145
Biến động chi phí trả trước	12	2.453.586.792	2.292.266.531
		<b>68.788.647.503</b>	<b>82.972.659.316</b>
Tiền lãi vay đã trả	14	(709.128.451)	(305.565.612)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(99.582.879)	(5.865.485.087)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.325.520.694)	(6.341.743.434)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>63.654.415.479</b>	<b>70.459.865.183</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi mua tài sản cố định	21	(2.373.254.254)	(2.924.986.838)
Tiền chi gửi tiền gửi có kỳ hạn	23	(50.700.000.000)	(42.200.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi có kỳ hạn	24	-	38.500.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	2.522.106.852	2.536.934.582
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>(50.551.147.402)</b>	<b>(4.088.052.256)</b>

314  
 NG  
 PH  
 SÀI  
 GÒN  
 TIỀN

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này (VNĐ)	
		Năm nay	Năm trước
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ đi vay	33	307.601.463.915	127.239.296.781
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(313.211.431.585)	(110.544.553.040)
Tiền chi trả cổ tức	36	(27.000.000.000)	(18.000.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(32.609.967.670)</b>	<b>(1.305.256.259)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)</b>	<b>50</b>	<b>(19.506.699.593)</b>	<b>65.066.556.668</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>216.909.989.474</b>	<b>63.950.355.090</b>
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60)</b>	<b>70</b>	<b>197.403.289.881</b>	<b>129.016.911.758</b>

Ngày 14 tháng 07 năm 2021

Người lập



Lê Thị Ngọc Hà

Kế toán trưởng



Bùi Thị Thanh Ngọc

Giám đốc



Lê Việt Quý



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

**1. Cơ sở lập báo cáo tài chính**

**(a) Tuyên bố về tuân thủ**

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

**(b) Cơ sở đo lường**

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

**(c) Kỳ kế toán năm**

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

**(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính**

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

**2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu**

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

**(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**(b) Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

**(c) Các khoản đầu tư**

***Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

**(d) Khoản phải thu**

Khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

**(e) Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng trực tiếp.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

**(f) Tài sản cố định hữu hình**

**(i) Nguyên giá**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

**(ii) Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- |                          |             |
|--------------------------|-------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 10 – 25 năm |
| ▪ máy móc và thiết bị    | 2 – 15 năm  |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 7 – 10 năm  |
| ▪ thiết bị văn phòng     | 3 – 15 năm  |

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

**(g) Tài sản cố định vô hình**

***Phần mềm máy vi tính***

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

**(h) Xây dựng cơ bản dở dang**

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng và máy móc chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

**(i) Chi phí trả trước dài hạn**

***Bao bì luân chuyển***

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, kết sử dụng trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

***(ii) Công cụ và dụng cụ***

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**(j) Phải trả người bán và phải trả khác**

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(k) Dự phòng**

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

***Dự phòng trợ cấp thôi việc***

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

**(l) Vốn cổ phần**

***Cổ phiếu phổ thông***

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chênh lệch giữa số tiền nhận được từ phát hành cổ phiếu so với mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(m) Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

**(n) Doanh thu và thu nhập khác**

**(i) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

**(ii) Thu nhập từ tiền lãi**

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

**(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(p) Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

**(q) Báo cáo bộ phận**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

**(r) Các bên liên quan**

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**3. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<b>30/06/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tiền mặt	126,593,002	166.984.643
Tiền gửi ngân hàng	9,076,696,879	2.943.004.831
Các khoản tương đương tiền	188.200.000.000	213.800.000.000
	<hr/>	<hr/>
	197.403.289.881	216.909.989.474
	<hr/>	<hr/>

Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng với kỳ hạn gốc không quá ba tháng và hưởng lãi suất từ 3,0% đến 3,3% một năm (1/1/2020: 3,0 đến 3,7% một năm).

**4. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

**(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo các khách hàng lớn**

	<b>30/06/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.488.611.560	20.632.774.536
Các khách hàng khác	292.487.618	-
	<hr/>	<hr/>
	8.781.099.178	20.632.774.536
	<hr/>	<hr/>

**(b) Phải thu của khách hàng là bên liên quan**

	<b>30/06/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	8.488.611.560	20.632.774.536
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu thương mại từ công ty mẹ không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**5. Hàng tồn kho**

	30/06/2021		1/1/2021	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên vật liệu	19.916.037.325		25.692.658.811	-
Công cụ và dụng cụ	15.418.804.038	(10.908.724.887)	16.068.412.003	(11.602.684.144)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	17.396.411.906		19.417.405.186	-
Thành phẩm	5.182.050.206		9.366.339.641	-
Hàng hóa	6.429.096		6.429.096	-
Hàng gửi đi bán	-		177.097.007	-
Hàng đi đường	-			-
	<b>57.919.732.571</b>	<b>(10.908.724.887)</b>	<b>70.728.341.744</b>	<b>(11.602.684.144)</b>

Biến động của dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	6 tháng 2021 VND
Số dư đầu kỳ	11.602.684.144
Dự phòng trích lập trong năm	(693.959.257)
Số dư cuối kỳ	<b>10.908.724.887</b>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**Tài sản cố định hữu hình**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc VND</b>	<b>Máy móc và thiết bị VND</b>	<b>Phương tiện vận chuyển VND</b>	<b>Thiết bị văn phòng VND</b>	<b>Tổng VND</b>
<b>Nguyên giá</b>					
Số dư đầu kỳ	58.127.038.224	624.522.223.725	7.907.289.410	5.459.949.684	696.016.501.043
Tăng trong kỳ	-	52.000.000	-	-	52.000.000
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	58.127.038.224	624.574.223.725	7.907.289.410	5.459.949.684	696.068.501.043
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Số dư đầu kỳ	25.201.217.362	548.248.914.511	5.554.188.091	3.005.342.120	582.009.662.084
Khấu hao trong kỳ	1.272.170.613	14.415.690.360	233.652.912	485.585.907	16.407.099.792
Số dư cuối kỳ	26.473.387.975	562.664.604.871	5.787.841.003	3.490.928.027	598.416.761.876
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số dư đầu kỳ	32.925.820.862	76.273.309.214	2.353.101.319	2.454.607.564	114.006.838.959
Số dư cuối kỳ	31.653.650.249	61.909.618.854	2.119.448.407	1.969.021.657	97.651.739.167

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 525.463 triệu VND (1/1/2021: 302.645 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**7. Tài sản cố định vô hình**

	<b>Phần mềm máy vi tính VND</b>
<b>Nguyên giá</b>	
Số dư đầu kỳ	1.411.941.589
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	
Số dư cuối kỳ	1.411.941.589
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
Số dư đầu kỳ	569.810.494
Khấu hao trong kỳ	176.990.268
Số dư cuối kỳ	746.800.762
<b>Giá trị còn lại</b>	
Số dư đầu kỳ	842.131.095
Số dư cuối kỳ	665.140.827

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 có các tài sản có nguyên giá 350 triệu VND (1/1/2021: 350 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

**8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc</b>	
	<b>30/06/2021</b>	<b>30/06/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Số dư đầu kỳ		3.455.630.456
Phát sinh trong kỳ	5.319.541.000	2.243.029.197
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình		(2.513.232.944)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình		(1.061.941.589)
Số dư cuối kỳ	5.319.541.000	2.123.485.120

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2021****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Chi phí trả trước dài hạn**

	<b>Bao bì luân chuyển VND</b>	<b>Công cụ và dụng cụ VND</b>	<b>Tổng VND</b>
Số dư đầu kỳ	7.659.872.111	1.432.187.709	9.092.059.820
Tăng trong kỳ	-	803.896.318	803.896.318
Phân bổ trong kỳ	(2.312.497.111)	(780.773.254)	(3.093.270.365)
Số dư cuối kỳ	5.347.375.000	1.455.310.773	6.802.685.773

**10. Phải trả người bán ngắn hạn****(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/06/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
Công ty Cổ phần Đầu tư Năng Lượng Xanh	923.205.530	1.786.421.190
Công ty cổ phần Hanacans	1.128.304.097	1.168.376.079
Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Tân Long	1.078.380.000	-
Công Ty Cổ Phần Lương Thực Hà Nam Ninh	-	969.612.000
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.394.141.430	479.627.918
Các nhà cung cấp khác	3.219.940.828	4.668.807.577
	<b>12.341.856.465</b>	<b>9.072.844.764</b>

**(b) Phải trả người bán là các bên liên quan**

	<b>Giá gốc/Số có khả năng trả nợ 30/06/2021 VND</b>	<b>1/1/2021 VND</b>
<b>Công ty mẹ</b>		
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn	6.394.141.430	479.627.918
<b>Bên liên quan khác</b>		
Công ty TNHH Một Thành Viên Bia Sài Gòn - Hà Tĩnh	68.200.000	68.200.000
Cty TNHH Một thành viên Cơ khí Sa be co	107.228.000	

Khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ và bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải hoàn trả trong vòng 30 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**I. Thuế phải nộp Nhà nước**

	1/1/2021 VND	Số phát sinh trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số cần trừ trong năm VND	Chuyển sang thuế phải thu VND	30/06/2021 VND
Thuế tiêu thụ đặc biệt	63.754.767.610	278.614.152.803	294.179.117.267			48.189.803.146
Thuế thu nhập doanh nghiệp		4.682.224.950	(99,582,879)		(30.984.490)	4.551.657.581
Thuế giá trị gia tăng	7.735.654.659	54.665.842.104	(22.567.352.157)	(19.664.396.022)		20.169.748.584
Thuế thu nhập cá nhân		937.626.833	(612.661.308)		(291.773.257)	33.192.268
	71.490.422.269	338.899.846.690	(317.458.713.611)	(19.664.396.022)	(322.757.747)	72.944.401.579

**II. Phải trả ngắn hạn khác**

	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Nhận ký quỹ ngắn hạn	9.068.664.725	6.653.764.725
Phải trả ngắn hạn khác	428.785.322	558.107.830
	9.497.450.047	7.211.872.555

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**  
**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**  
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**13. Vay ngắn hạn**

	1/1/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND	Biến động trong năm		30/06/2021 Giá trị ghi sổ/ Số có khả năng trả nợ VND
		Tăng VND	Giảm VND	
Vay ngắn hạn	55,805,010,701	307,601,463,915	(313,211,431,585)	50,195,043,031

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất	30/06/2021 VND	1/1/2021 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam (a)	VND	3,05%	50,195,043,031	55.805.010.701
			<b>50,195,043,031</b>	<b>55.805.010.701</b>

(a) Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 90.000 triệu VND và không có đảm bảo.

**14. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại Hội đồng Cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty.

Biến động quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Số dư đầu kỳ	5.201.215.941	7.540.104.852
Trích lập trong kỳ (Thuyết minh 15)	1.925.500.000	-
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 15)	(874.879.306)	(1.197.545.477)
Sử dụng trong kỳ	(4.325.520.694)	(6.341.743.434)
Tăng khác		-
Số dư cuối kỳ	<b>1.926.315.941</b>	<b>815.941</b>

Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội  
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN  
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	50.120.371.213	270.246.628.323
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	(835.663.113)	(835.663.113)
Cổ tức	-	-	-	(18.000.000.000)	(18.000.000.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	-	-	-	1.197.545.477	1.197.545.477
<b>Số dư ngày 01 tháng 07 năm 2020</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	32.482.253.577	252.608.510.687
Lợi nhuận thuần trong kỳ				24.055.152.288	24.055.152.288
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi				(5.200.000.000)	(5.200.000.000)
Điều chỉnh quỹ công tác xã hội				(155.950.221)	(155.950.221)
<b>Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2021</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	51.181.055.644	271.307.312.754
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	18.319.415.258	18.319.415.258
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(27.000.000.000)	(27.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	-	-	-	(1.925.500.000)	(1.925.500.000)
Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 14)	-	-	-	874.879.306	874.879.306
<b>Số dư tại ngày 30 tháng 06 năm 2021</b>	180.000.000.000	6.157.486.522	33.968.770.588	41.449.850.208	261.576.107.318

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**16. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	<b>30/06/2021 và 1/1/2021</b>	
	<b>Số cổ phiếu</b>	<b>VND</b>
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>		
Cổ phiếu phổ thông	18.000.000	180.000.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức như đã được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 30 tháng 06 năm 2021.

**17. Cổ tức**

Trong 6 tháng năm 2021, Công ty đã tạm ứng 10% cổ tức từ lợi nhuận năm 2020 số tiền 27 tỷ đồng.

10  
CÔ  
CỔ  
IA  
H  
20

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội****Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***18. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán****(a) Cam kết thuê**

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	<b>30/06/2021</b>	<b>1/1/2021</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trong vòng một năm	4.015.125.780	4.294.173.780
Từ hai đến năm năm	16.060.503.120	16.060.503.120
Sau năm năm	122.795.930.105	124.803.492.995
	<hr/>	<hr/>
	142.871.559.005	145.158.169.895
	<hr/>	<hr/>

**(b) Ngoại tệ**

	<b>31/03/2021</b>		<b>1/1/2021</b>	
	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>	<b>Nguyên tệ</b>	<b>Tương đương VND</b>
USD	37.943,15	869.278.039	11	242.571
EUR	105,47	2.818.949	111	2.965.950
		<hr/>		<hr/>
		872.096.988		3.208.521
		<hr/>		<hr/>

**19. Doanh thu bán hàng**

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế tiêu thụ đặc biệt.

	<b>Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày</b>	
	<b>30/06/2021</b>	<b>30/06/2020</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	271.171.538.844	205.283.514.844
▪ Doanh thu khác	1.834.252.265	1.662.043.782
	<hr/>	<hr/>
	273.005.791.109	206.945.558.626
	<hr/>	<hr/>



**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**20. Giá vốn hàng bán**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thành phẩm đã bán	240.760.781.250	198.947.726.024
▪ Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(693.959.257)	(248.232.975)
▪ Giá vốn khác	1.982.201.504	790.337.301
	<hr/>	<hr/>
	242.049.023.497	199.489.830.350

**21. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.332.204.115	1.913.947.185
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.863.646	18.424.661
	<hr/>	<hr/>
	2.340.067.761	1.932.371.846

**22. Chi phí bán hàng**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.012.832.636	1.307.881.845
Chi phí nhân viên	536.462.112	583.853.835
Chi phí công cụ, dụng cụ	91.508.206	487.946.351
Chi phí bán hàng khác	98.855.634	141.370.983
	<hr/>	<hr/>
	1.739.658.588	2.521.053.014

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**23. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên	4.936.179.687	3.971.185.459
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.865.031.695	1.904.691.099
Chi phí vật liệu văn phòng, công cụ	516.416.827	313.734.960
Chi phí khấu hao TSCĐ	181.832.502	187.806.582
Chi phí quản lý khác	1.035.476.083	1.174.513.783
	<hr/>	<hr/>
	8.534.936.794	7.551.931.883

**24. Chi phí sản xuất kinh doanh theo các yếu tố**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Chi phí nhân viên	17.784.472.337	14.832.723.899
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.320.691.961	7.549.186.613
Chi phí vật liệu, công cụ	207.250.977.389	149.650.435.030
Chi phí khấu hao TSCĐ	16.584.090.060	35.039.733.669
Chi phí quản lý khác	3.383.387.132	2.490.736.036

**25. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

**(a) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp**

	Giai đoạn 6 tháng kết thúc ngày	
	30/06/2021 VND	30/06/2020 VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	4.551.657.581	-
Chi phí thuế của các năm trước	130.567.369	395.820.744
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	138.791.851	49.646.595
	<hr/>	<hr/>
	4.821.016.801	445.467.339

**Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Hà Nội**

**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng tại ngày 30 tháng 06 năm 2021 (tiếp theo)**

**Mẫu B 09 – DN**

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

**(b) Thuế suất áp dụng**

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

*Ngày 14 tháng 07 năm 2021*

**Người lập**



Lê Thị Ngọc Hà

**Kế toán trưởng**



Bùi Thị Thanh Ngọc

**Giám đốc**



Lê Việt Quý

